

Bản án số: 187/2023/DS – ST
Ngày: 15/8/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Bà Hồ Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 215/2023/TLST-DS, ngày 23/5/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2023/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2023/QĐST – DS ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số A, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Hồ Thị Thanh T2, sinh năm 1979;

Nguyễn Đức L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số F, Trần Khắc C, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà T1 có mặt; ông L và bà T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; biên bản không tiến hành hòa giải được và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:**

Do chỗ quen biết nên ngày 24/6/2022, bà T có cho ông L và bà T2 vay số tiền 600.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2022, mục đích vay là để cất nhà và làm công trình. Đến hạn trả nhưng ông L và bà T2 vẫn không trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu ông L và bà T2 phải liên đới trả số tiền vốn còn thiếu là 600.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất là 1,67%/tháng tạm tính từ ngày 24/6/2022 cho đến ngày 19/5/2023 là 110.554.000đồng; yêu cầu tiếp tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.**

*** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L phải liên đới trả số tiền vốn là 600.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 25/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/8/2023).

Bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

*** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Quan điểm giải quyết vụ án:** Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Trần Đức L1 và bà Hồ Thị Thanh T2 là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T1. Xét thấy, về hình thức và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T1 được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T2 và ông L1 tại địa chỉ cư trú theo qui định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T2, ông L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 24/6/2022, bà Nguyễn Thị Mỹ T có cho bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L vay số tiền 600.000.000đ lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2022, mục đích vay là để cất nhà và làm công trình. Việc vay tiền hai bên có làm hợp đồng viết tay. Kể từ khi nhận tiền đến nay phía bà T2 và ông L không đóng lãi cũng không trả số tiền vốn cho bà T như thỏa thuận. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông L và bà T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn còn nợ là 600.000.000đ, đồng thời yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 25/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2023.

[2.2] Bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L là đồng bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bà T2 và ông L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà T với ông L, bà T2 là hoàn toàn tự nguyện, việc vay tiền giữa các bên có làm “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” vào ngày 24/6/2022. Ông L, bà T2 khi làm biên nhận nợ có cam kết thời hạn trả nợ là vào ngày 24/12/2022, nhưng ông L, bà T2 vẫn không thực hiện cho đến nay đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông L, bà T2 phải liên đới trả cho bà số tiền vốn 600.000.000đ là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/ năm trên số tiền vốn còn thiếu từ ngày 25/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử (15/8/2023). Xét thấy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn từ tháng 24/6/2022 nhưng không thực hiện việc đóng lãi cho nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó bà T yêu

cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi ông L, bà T2 phải trả cho bà T là:

$1,666\% / \text{tháng} \times 417 \text{ ngày} \times 600.000.000 \text{ đồng} = 139.000.000 \text{ đồng}.$

[2.5] Tổng cộng vốn và lãi ông L, bà T2 phải trả cho bà T là:

$600.000.000 \text{ đ} + 139.000.000 \text{ đ} = 739.000.000 \text{ đ}.$

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463; 466; Điều 468; Điều 470 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn;

- Buộc bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền là 739.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu đồng).

Về án phí:

+ Bà Hồ Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Đức L phải chịu 33.560.000 đ (ba mươi ba triệu năm trăm sáu chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận số lại số tiền 16.211.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00011791 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh